

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 732 /CMT-HĐQT
V/v CBTT báo cáo tài chính bán niên năm 2017
đã được soát xét

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung
2. Mã chứng khoán: PCE
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A2, cụm công nghiệp Nhơn Bình, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
4. Điện thoại: 056.3848488 Fax: 056.3848588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Quyền, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được lập ngày 31/7/2017 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét) bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình:

Qua so sánh và phân tích cho thấy lợi nhuận sau thuế giảm 81,94% so với cùng kỳ năm 2016, do tác động bởi 3 yếu tố chính:

 - Sản lượng tiêu thụ giảm 2,77% so với cùng kỳ năm trước (hàng tự doanh khác giảm 50,99%);
 - Giá bán của mặt hàng Ure Phú Mỹ giảm 0,86% so với cùng kỳ năm trước;
 - Giá vốn của mặt hàng Ure Phú Mỹ tăng 8,61% so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pce.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- P.TCKT;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

Báo cáo tài chính bán niên năm 2017
đã được soát xét.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÀNH VIÊN HĐQT
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Phạm Trung	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Quyền
Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Số: 202 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2017, từ trang 4 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 7 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		250.532.749.391	143.787.164.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.843.809.257	63.204.394.507
1. Tiền	111		26.343.809.257	8.204.394.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	55.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.995.525.508	28.161.092.441
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.246.764.172	21.025.962.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	16.418.994.619	5.628.548.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	329.766.717	1.506.582.103
IV. Hàng tồn kho	140	9	62.585.040.763	32.137.447.147
1. Hàng tồn kho	141		64.762.678.768	33.762.514.698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.177.638.005)	(1.625.067.551)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108.373.863	284.230.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	108.373.863	284.230.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.388.172.783	52.352.719.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.560.000	123.870.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.560.000	123.870.000
II. Tài sản cố định	220		43.273.732.132	45.938.729.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.706.813.514	24.289.979.517
- Nguyên giá	222		70.628.907.323	71.075.140.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.922.093.809)	(46.785.160.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.566.918.618	21.648.749.657
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.256.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(689.722.632)	(607.891.593)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.957.880.651	6.290.120.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.763.300.998	6.095.540.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		194.579.653	194.579.653
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		299.920.922.174	196.139.883.679

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.938.975.613	35.142.098.371
I. Nợ ngắn hạn	310		138.938.975.613	35.142.098.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	94.331.511.310	6.686.999.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	14.541.175.282	8.440.870.941
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	647.119.590	3.358.433.559
4. Phải trả người lao động	314		5.538.505.767	4.035.857.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.091.442.067	972.898.264
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	19.160.820.262	6.085.462.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.628.401.335	5.561.575.502
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.981.946.561	160.997.785.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	160.981.946.561	160.997.785.308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	24.884.718.104
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.097.228.457	36.113.067.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.113.067.204	30.159.116.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.984.161.253	5.953.950.352
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		299.920.922.174	196.139.883.679



Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.188.054.342.451	1.250.329.084.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	22.038.541.588	16.300.844.055
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	1.166.015.800.863	1.234.028.240.335
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.126.410.810.859	1.184.450.841.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.604.990.004	49.577.398.612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		888.259.212	1.427.305.541
7. Chi phí tài chính	22		35.462.500	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	16.701.153.160	19.541.269.316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	13.856.366.662	15.679.783.652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.900.266.894	15.783.651.185
11. Thu nhập khác	31		102.621.620	1.078.850
12. Chi phí khác	32		22.686.948	10.583
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		79.934.672	1.068.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.980.201.566	15.784.719.452
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.996.040.313	3.156.943.890
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.984.161.253	12.627.775.562
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	639	965



Phạm Thương Tín
 Người lập biểu



Lê Thanh Viên
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
 P. Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.980.201.566	15.784.719.452
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.664.997.042	3.254.261.915
Các khoản dự phòng	03		552.570.454	(4.377.961.728)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(941.400.121)	(1.427.305.541)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.256.368.941	13.233.714.098
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.418.648.824)	(110.373.113.468)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.000.164.070)	25.933.517.544
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		115.355.554.219	99.452.167.497
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		508.095.896	(188.458.993)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.618.943.123)	(4.666.146.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	646.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.983.174.167)	(5.576.230.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.149.088.872	18.461.449.747
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		57.250.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(100.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	40.000.000.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.435.675.878	1.720.902.763
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.492.925.878	(58.279.097.237)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.002.600.000)	(14.006.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.002.600.000)	(14.006.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.360.585.250)	(53.823.967.490)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.204.394.507	107.126.128.345
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70		51.843.809.257	53.302.160.855

Phạm Thương Tín
 Người lập biểu

Lê Thanh Viên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
 P. Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 63 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.



Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	191.802.571	186.869.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.152.006.686	8.017.525.086
Các khoản tương đương tiền (*)	25.500.000.000	55.000.000.000
	51.843.809.257	63.204.394.507

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% đến 5,4%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	93.371.688.765	11.384.173.818
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	13.186.209.086	11.322.847.500
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Phân bón Minh Tân	59.094.564.700	-
Các khách hàng khác	21.090.914.979	61.326.318
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	5.875.075.407	9.641.788.456
	99.246.764.172	21.025.962.274

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	696.482.490	-
Các đối tượng khác	696.482.490	-
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	15.722.512.129	5.628.548.064
	16.418.994.619	5.628.548.064

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	214.766.717	663.479.093
Lãi tiền gửi dự thu	-	168.916.666
Phải thu khác	1.176.717	494.562.427
Tạm ứng	213.590.000	-
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	115.000.000	843.103.010
	329.766.717	1.506.582.103

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	48.750.000	-	1.330.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.796.257.990	-	106.950.800	-
Hàng hóa	62.917.670.778	(2.177.638.005)	33.654.233.898	(1.625.067.551)
Cộng	64.762.678.768	(2.177.638.005)	33.762.514.698	(1.625.067.551)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 2.177.638.005 đồng; đồng thời, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.449.696.178	71.075.140.470
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối kỳ	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.003.463.031	70.628.907.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	40.557.721.406	454.718.500	3.653.137.291	2.119.583.756	46.785.160.953
Trích khấu hao trong kỳ	2.075.678.344	-	430.021.045	77.466.614	2.583.166.003
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối kỳ	42.633.399.750	454.718.500	4.083.158.336	1.750.817.223	48.922.093.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	21.633.975.051	-	2.325.892.044	330.112.422	24.289.979.517
Tại ngày cuối kỳ	19.558.296.707	-	1.895.870.999	252.645.808	21.706.813.514

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 14.152.325.223 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.938.807.568 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
Số dư cuối kỳ	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	537.706.650	70.184.943	607.891.593
Trích khấu hao trong kỳ	56.422.712	25.408.327	81.831.039
Số dư cuối kỳ	594.129.362	95.593.270	689.722.632
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	21.565.221.239	83.528.418	21.648.749.657
Tại ngày cuối kỳ	21.508.798.527	58.120.091	21.566.918.618

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn	108.373.863	284.230.246
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	71.520.040	190.618.421
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.853.823	93.611.825
b) Dài hạn	5.763.300.998	6.095.540.511
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.258.706.884	5.334.681.057
Chi phí trả trước dài hạn khác	504.594.114	760.859.454
	5.871.674.861	6.379.770.757

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán khác	4.733.539.003	4.733.539.003	3.519.973.240	3.519.973.240
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.595.558.391	2.595.558.391	1.034.048.893	1.034.048.893
Công ty TNHH Vân Hùng Wine	-	-	855.000.000	855.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.137.980.612	2.137.980.612	1.630.924.347	1.630.924.347
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	89.597.972.307	89.597.972.307	3.167.026.430	3.167.026.430
	94.331.511.310	94.331.511.310	6.686.999.670	6.686.999.670

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Người mua trả tiền trước khác	10.041.752.077	4.948.584.381
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Hoàng Nhân	4.332.540.000	224.186.628
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh	1.308.133.700	131.317.504
Công ty TNHH Hồng Nhung	322.291.000	1.136.495.678
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	-	1.273.257.924
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	887.560.000	1.013.969.141
Các khách hàng khác	3.191.227.377	1.169.357.506
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	4.499.423.205	3.492.286.560
	14.541.175.282	8.440.870.941

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	643.544.024	228.837.189	681.080.001	191.301.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.969.978.893	1,996.040.313	3.618.943.123	347.076.083
Tiền thuế đất	-	546.000	546.000	-
Các loại thuế khác	744.910.642	1.531.089.189	2.167.257.536	108.742.295
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	744.910.642	1.528.089.189	2.164.257.536	108.742.295
Cộng	3.358.433.559	3.756.512.691	6.467.826.660	647.119.590

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí bốc xếp hàng hóa	375.837.301	134.298.264
Phân viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Miền Nam	1.245.000.000	-
Công ty Cổ phần Sacom Tuyên Lâm	829.960.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	640.644.766	838.600.000
	3.091.442.067	972.898.264

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	19.158.380.902	1.583.023.290
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	363.781.308	-
Cố tức phải trả	-	1.502.600.000
Chiết khấu bán hàng	18.674.725.887	-
Phải trả ngắn hạn khác	119.873.707	80.423.290
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	2.439.360	4.502.439.360
	<u>19.160.820.262</u>	<u>6.085.462.650</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quý đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	100.000.000.000	23.626.337.308	39.557.009.447	163.183.346.755
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	25.167.615.924	25.167.615.924
Trích lập quỹ	-	1.258.380.796	(8.611.558.167)	(7.353.177.371)
Chia cổ tức	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	100.000.000.000	24.884.718.104	36.113.067.204	160.997.785.308
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.984.161.253	7.984.161.253
Chia cổ tức (i)	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	24.884.718.104	36.097.228.457	160.981.946.561

- (i) Theo Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó cổ tức chia cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 là 20.000.000.000 đồng, trong năm 2016 Công ty đã tạm chia 12.000.000.000 đồng, số còn lại đã được Công ty chia cho các cổ đông trong kỳ hoạt động này.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
		VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	3,0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000	17.100.000.000
	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu phân bón	1.176.387.593.500	1.228.734.835.960
Doanh thu hóa chất	-	1.911.625.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.666.748.951	19.682.622.630
	1.188.054.342.451	1.250.329.084.390
Chiết khấu thương mại	22.038.541.588	16.300.844.055
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.166.015.800.863	1.234.028.240.335
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	69.052.805.831	402.018.098.515

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn phân bón	1.114.801.834.099	1.163.008.975.571
Giá vốn hóa chất	-	1.831.428.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.608.976.760	19.610.438.152
	1.126.410.810.859	1.184.450.841.723

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	15.357.332.791	17.328.241.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.664.997.042	3.254.261.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.053.026.769	34.313.898.463
Chi phí khác bằng tiền	1.780.447.170	495.040.442
	43.855.803.772	55.391.442.140



23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	6.536.752.133	7.676.441.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.796.420.406	2.839.404.430
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.367.980.621	9.025.423.734
	16.701.153.160	19.541.269.316
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	8.623.144.000	9.651.800.168
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.233.222.662	6.027.983.484
	13.856.366.662	15.679.783.652

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	9.980.201.566	15.784.719.452
Thu nhập chịu thuế	9.980.201.566	15.784.719.452
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.996.040.313	3.156.943.890
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.996.040.313	3.156.943.890

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.984.161.253	12.627.775.562
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1.596.832.251	2.977.642.388
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.387.329.002	9.650.133.174
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	639	965

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	75.974.173	75.974.173

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - chi nhánh Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	Cổ đồng
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Cổ đồng

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Bán hàng	57.617.261.362	382.345.753.100
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	11.243.500.000	20.790.750.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - chi nhánh Miền Trung	9.244.175.000	8.870.900.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	37.129.586.362	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	1.911.625.800
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	660.450.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	329.962.027.300
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	20.150.000.000
Cung cấp dịch vụ	11.435.544.469	19.672.345.415
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	4.090.343.402
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.384.639.269	15.551.732.373
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	4.243.200	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	46.662.000	30.269.640
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.087.187.697.546	1.116.509.205.136
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.037.911.016.854	746.205.748.993
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	13.638.369.664	244.025.803
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	315.209.749.912
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	47.520.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	6.183.000.000
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	35.475.000	9.944.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	34.083.986.285	47.665.905.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	19.734.000
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	574.086.113	845.563.998
Công ty Bảo Hiểm PVI Tây Nguyên	161.704.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.899.300	13.096.820
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	511.840.694	64.916.610
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	232.319.636	-
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.500.000.000	10.500.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.820.025.998	2.521.082.110

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu của khách hàng	5.875.075.407	9.641.788.456
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.875.042.407	2.572.273.456
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	33.000	33.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	7.069.482.000
Trả trước cho người bán	15.722.512.129	5.628.548.064
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.722.512.129	4.328.548.064
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	1.300.000.000
Phải thu khác	115.000.000	843.103.010
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	115.000.000	464.603.010
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	378.500.000
Phải trả người bán	89.597.972.307	3.167.026.430
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	89.245.586.240	3.072.220.849
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	6.545.919	94.805.581
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	286.285.680	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	21.714.468	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	37.840.000	-
Người mua trả tiền trước	4.499.423.205	3.492.286.560
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.150.022.930	660.450.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - chi nhánh Miền Trung	83.806.250	146.106.250
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	90.594.025	141.744.025
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	3.175.000.000	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	2.543.986.285
Phải trả ngắn hạn khác	2.439.360	4.502.439.360
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.439.360	4.502.439.360
- Cổ tức	-	4.500.000.000
- Phải trả khác	2.439.360	2.439.360



Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
P. Giám đốc

Ngày 31 tháng 7 năm 2017